

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 11 năm 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn
2. Ông Nguyễn Văn Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2019, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn K vào ngày 11 tháng 11 năm 2009 tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chị kết hôn tự

nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh K ở Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Mâu thuẫn của vợ chồng chị phát sinh từ ngay sau khi cưới do trước khi cưới vợ chồng không tìm hiểu kỹ và không có tình cảm gì, quá trình chung sống chị và anh K không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ sau khi chị sinh con, lúc con chị đầy tháng chị về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2011 đến nay. Vợ chồng đã ly thân được 7 năm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị ly hôn anh Phạm Văn K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 27/10/2011, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm ở Công ty điện tử, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình chung sống cùng anh K tại gia đình nhà chồng chị không có đóng góp gì và không yêu cầu trích chia gì.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

** Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Văn K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào ngày 11 tháng 11 năm 2009 tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh và chị H kết hôn tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình nhà anh ở Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn của vợ chồng anh phát sinh từ năm 2011, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, anh thì trầm tính ít nói còn chị H sôi nổi hơn nên vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn chăm sóc yêu thương nhau. Đến khi cháu H là con chung của anh và chị H được khoảng 4-5 tháng thì chị H xin về nhà mẹ đẻ sống và ly thân từ thời gian đó đến nay. Anh có vài lần đến gặp chị H và có nguyện vọng đón mẹ con chị H về sống cùng để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Gia đình anh cũng đến nói chuyện và động viên chị H quay về nhưng chị H kiên quyết không về đoàn tụ. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Phạm Thanh H, sinh ngày 27/10/2011, nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh đồng ý giao cháu H cho chị H nuôi con do cháu H đã sống với chị H từ bé, về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn K trình bày: Anh xác định hiện tại vợ chồng không còn tình cảm nhưng anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị H đồng ý rút đơn ly hôn về chung với anh thì lâu ngày sẽ có tình cảm. Trường hợp ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi con, anh sẽ có trách nhiệm nuôi con với chị H.

**** Tài liệu chứng cứ thu thập được:***

+ Cháu Phạm Thanh H là con chung của chị H, anh K có nguyện vọng ở với mẹ và trình bày: Cháu là con chung của mẹ Nguyễn Thị H và bố Phạm Văn K. Từ khi sinh ra đến nay cháu đã sống cùng với mẹ tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay cháu đang học lớp 3 tại Trường Tiểu học Đ. Nay bố mẹ cháu ly hôn cháu không có ý kiến gì, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn và không sống với nhau cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ là người chăm sóc cháu từ nhỏ đến lớn.

+ Tại biên bản xác minh ngày 09/10/2019 ông Phạm Văn Đ là bố đẻ anh K cung cấp: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn K kết hôn với nhau năm 2009, trước khi kết hôn chị H và anh K cũng không được tìm hiểu kỹ mà do mai mối và tác động của hai bên gia đình nên đã tự nguyện đi đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố B và có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên do vợ chồng không tìm hiểu kỹ nên quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh K thì ít nói, hiền lành còn chị H thì lạnh lợi, tháo vát, do vợ chồng không hòa hợp nên tình cảm cứ nhạt dần, khi chị H sinh con được một thời gian thì xin về nhà mẹ đẻ sống và ở đó từ năm 2011 đến nay. Vợ chồng đã ly thân được 7 năm, bản thân anh K và gia đình ông đã nhiều lần sang nói chuyện, động viên, khuyên bảo để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H kiên quyết ly hôn trường hợp Tòa án không hòa giải được thì ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật để giải thoát cho cả hai.

+ Tại biên bản xác minh ngày 10/10/2019 đại diện chính quyền địa phương Thôn S, xã Đ, thành phố B cung cấp: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn K là vợ chồng và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết, chỉ

biết năm 2011 chị H đã đưa con chung về sống với bố mẹ đẻ và không sống tại địa phương với anh K nữa. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Về con chung chị H và anh K có 01 con chung, sau khi sinh con chị H đã đưa con đi từ năm 2011 đến nay, hiện con chung đang sống cùng chị H.

- Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

- Ngày 06 tháng 11 năm 2019, Tòa án mở phiên tòa nhưng do anh K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn cơ bản đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và xử cho chị H được ly hôn anh Phạm Văn K. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 27/10/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh K không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn K kết hôn ngày 11/11/2009 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị H và anh K là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Chị H cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị phát sinh từ ngay sau khi cưới do trước khi cưới vợ chồng không tìm hiểu kỹ, quá trình chung sống chị H và anh K không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ năm 2011 sau khi chị H sinh con, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ năm 2011 đến nay và vợ chồng đã ly thân được 7 năm. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn anh K. Còn anh K cho rằng mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly

hôn, muốn vợ chồng về đoàn tụ. Xét thấy vợ chồng chị H, anh K đã có thời gian ly thân quá lâu, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh K có một con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 27/10/2011, cháu đã ở cùng với chị H từ khi sinh ra đến nay. Chị H có nguyện vọng nuôi con, anh K đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H, anh K xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn K.

2.2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 27/10/2011. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000641 ngày 09/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B,
- CCTHADS TP. B,
- UBND xã Đ,
- thành phố B.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo